

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án: Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn

Đợt 7: Đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mả và cây trồng của các hộ gia đình, cá nhân, thuộc địa bàn phường Nhơn Phú

(Kèm theo Quyết định số: 2858/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND thành phố)

T T	Họ và tên, địa chỉ	Số liệu về đất đo đạc năm 2016, 2021					Nội dung bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Khối lượng	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
		Tờ BĐ	Thứ a số	Diện tích (m ²)	DT thu hồi (m ²)	DT còn lại (m ²)						
12	Phạm Văn Học (Phạm Thành Sang, bà Lê Thị Mỹ Dung nhận tặng cho bằng giấy viết tay)											23.073.000
	Tổ 19, KV3, P. Nhơn	2	39	148,7	82,8	65,9	*Bồi thường, hỗ trợ về đất:					12.254.400
	<p>Xác nhận của UBND phường Nhơn Phú tại Văn bản số 61/BC-UBND ngày 19/2/2022:</p> <p>*Thửa đất bị ảnh hưởng dự án:</p> <p>- Bản đồ 299: Một phần thửa đất số 382, thuộc tờ bản đồ số 02, diện tích: 745m², loại đất lúa, sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng: Phạm Văn Học (cá thể).</p> <p>- Bản đồ năm 2001: Một phần thửa đất số 39, tờ bản đồ số 37, diện tích 940,8m², loại đất màu; hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Phạm Văn Học.</p> <p>- Bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2021: Thửa đất số: 39, tờ bản đồ số: 02, diện tích: 148,7m², loại đất: BHK (Đất bằng hàng năm khác), hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Phạm Thành Sang.</p> <p>- Diện tích thu hồi: 82,8m²/148,7m².</p> <p>- Nguồn gốc sử dụng đất: đất của gia đình ông Phạm Văn Học sử dụng vào mục đích nông nghiệp, sau đó cho lại ông Phạm Thành Sang (chủ hộ không cung cấp giấy tờ cho tặng). Thời điểm hình thành vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014.</p> <p>- Diện tích thu hồi: 82,8m² đất của gia đình ông Phạm Văn Học sử dụng vào mục đích nông nghiệp, sau đó cho lại ông Phạm Thành Sang (chủ hộ không cung cấp giấy tờ cho tặng). Thời điểm hình thành vật kiến trúc sau ngày 01/07/2004 trước ngày 01/07/2014, sử dụng đến nay, không tranh chấp.</p>	Bồi thường đất nông nghiệp	m ²	82,8		148.000				12.254.400		
		*Bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc: hỗ trợ 50%										10.395.900
		Hiên tole (N19): 6,0*3,0	m ²	18,00	0,5	308.000					2.772.000	
		Sân bê tông (S1): 9,0*5,16	m ²	46,44	0,5	219.000					5.085.180	
		Khối BTCT: 9,0*0,2*0,2*2	m ³	0,72	0,5	7.052.000					2.538.720	
		*Bồi thường về cây trồng:										422.700
		Phát tài	cây	2		84.000					168.000	
		Lá lốp	m ²	3,6		9.500					34.200	
		Hỗ trợ công di chuyển lùl chậu kiềng có đk ≥ 30cm đến < 50cm (hỗ trợ 50% đơn giá)	chậu	10		15.750					157.500	
		Hỗ trợ công di chuyển lùl chậu kiềng có đk ≥ 50cm đến < 100cm (hỗ trợ 50% đơn giá)	chậu	2		31.500					63.000	